



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1450 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, trong đó:

- 13 thủ tục hành chính mới;
- 02 thủ tục hành chính thay thế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 60 và số thứ tự 61 – Điểm C Mục 2 tại Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng cục Hải quan thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Website Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCHQ (47b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/THAY THẾ LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế	Hải quan	Chi cục Hải quan
2	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam	Hải quan	Chi cục Hải quan
3	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam	Hải quan	Chi cục Hải quan
4	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế	Hải quan	Chi cục Hải quan
5	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam	Hải quan	Chi cục Hải quan
6	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Hải quan	Chi cục Hải quan
7	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa	Hải quan	Chi cục Hải quan
8	Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển	Hải quan	Chi cục Hải quan

	chạy tuyến quốc tế		
9	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách	Hải quan	Chi cục Hải quan
10	Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa	Hải quan	Chi cục Hải quan
11	Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế	Hải quan	Chi cục Hải quan
12	Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế	Hải quan	Chi cục Hải quan
13	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau	Hải quan	Chi cục Hải quan

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp huyện						
1	1.0078/83	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế và hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế	Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Chi cục Hải quan

		tại cửa hàng miễn thuế				
2	1.0078 84	Thủ tục thanh khoản hàng bán tại cửa hàng miễn thuế	Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế	Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 về kinh doanh hàng miễn thuế	Hải quan	Chi cục Hải quan

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới

1. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế: Doanh nghiệp gửi thông tin hàng hóa về việc vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu trước khi thực hiện vận chuyển hàng hóa. Khi vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế phải kèm theo chứng từ xuất kho.

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế: Doanh nghiệp gửi các thông tin (tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển) về việc vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu trước thực hiện vận chuyển hàng hóa, in 01 bản giấy về các thông tin về tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển dùng làm chứng từ lưu thông hàng hóa. Trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, thực hiện thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt.

Bước 2:

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện phê duyệt vận chuyển hàng hóa trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp. Khi hàng hóa vận chuyển đến địa điểm, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra niêm phong, xác nhận trên văn bản của doanh nghiệp, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế.

1.2. Cách thức thực hiện: thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc trực tiếp tới Chi cục Hải quan

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế: gửi thông tin hàng hóa về việc vận chuyển hàng hóa qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế: thông tin (tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển) về việc vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và 01 bản giấy về các thông tin về tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển dùng làm chứng từ lưu thông hàng hóa

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phê duyệt của Chi cục Hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 10 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

2. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam; hàng hóa vận chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh

2.1. Trình tự thực hiện:

*** Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam**

Bước 1: Khi đưa hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hóa dưới sự giám sát của Chi cục Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế từ kho chứa hàng miễn thuế đến tàu bay. Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong xe hàng miễn thuế trước khi đưa xe hàng ra khỏi tàu bay.

Bước 3: Doanh nghiệp lập 02 bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 09/BKTMKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020, xuất trình cho cơ quan hải quan ngay sau khi nhận bàn giao từ đại diện của tiếp viên hàng không. Cập nhật vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử các thông tin trên bảng kê lượng tiền mặt.

Bước 4: Chi cục Hải quan quản lý sát hàng hoá xếp lên xe hàng, niêm phong hải quan, giám sát việc đưa hàng đến cửa tàu bay. Xác nhận vào phiếu giao nhận hàng hoá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

Bước 5: Chi cục Hải quan quản lý giám sát xe hàng từ tàu bay xuống để nhập kho, kiểm tra, giám sát xe hàng vào kho và xác nhận trên phiếu nhập kho của doanh nghiệp;

Bước 6: Chi cục Hải quan quản lý xác nhận 02 bảng kê lượng tiền mặt do doanh nghiệp xuất trình ngay sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao từ đại diện tiếp viên hàng không, lưu 01 bản và chuyển doanh nghiệp 01 bản, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

*** Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh**

Bước 1: Doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi hàng hóa được nhập vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh hoặc hàng hóa được đưa thẳng từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế nơi tàu bay xuất cảnh;

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện lưu giữ xe hàng miễn thuế trong kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại khu vực riêng ở sân bay nhập cảnh có camera giám sát, đảm bảo phân biệt được với hàng hóa, xe hàng miễn thuế khác trong kho chứa hàng miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh;

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hóa từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay nơi tàu bay xuất cảnh theo đúng thời gian ghi trên biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Bước 4: Doanh nghiệp thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan hải quan trong trường hợp vận chuyển xe hàng từ sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh đến sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh không đúng thời gian ghi trên biên bản bàn giao.

Bước 5: Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh căn cứ thông tin về số hiệu chuyến bay, số hiệu xe hàng miễn thuế trên phiếu giao nhận hàng hóa do doanh nghiệp gửi trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử để thực hiện giám sát xe hàng miễn thuế từ tàu bay nhập cảnh đến kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay nhập cảnh đối với trường hợp hàng hóa được đưa vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh.

Bước 6: Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hoá thực hiện niêm phong xe hàng, lập biên bản bàn giao xe hàng miễn thuế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử theo Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020, cập nhật số niêm phong vào biên bản bàn giao, in 01 bản biên bản bàn giao từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và giao cho doanh nghiệp để chuyển xe hàng đến Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.

Bước 7: Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh căn cứ biên bản bàn giao, thực hiện giám sát xe hàng đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh; ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên biên bản bàn giao và trả lại doanh nghiệp; cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và xác nhận trên phiếu nhập kho của doanh nghiệp.

Bước 8: Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của xe hàng miễn thuế, phối hợp với

Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh để xác minh trong trường hợp quá thời gian tại biên bản nhưng xe hàng chưa được vận chuyển đến sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.

2.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử (đối với Phiếu giao nhận hàng hóa) và gửi trực tiếp cho Chi cục Hải quan (đối với bảng kê lượng tiền mặt) và cập nhật trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Phiếu giao nhận hàng hóa: 01 bản chính;
- Bảng kê lượng tiền mặt: 02 bản chính;

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình với cơ quan hải quan.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xác nhận của Chi cục Hải quan trên bảng kê lượng tiền mặt.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020

- Bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 09/BKTMKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 11, Điều 12 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

Mẫu số 08/PGHKVTB

**PHIẾU GIAO NHẬN HÀNG HOÁ
ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ
VÀ TÀU BAY**

....., ngàytháng.....năm....

- (01) Số phiếu giao nhận:/mã số thuế/PGHKVTB
 (02) Tên doanh nghiệp: Mã số thuế:
 (03) Số hiệu chuyến bay:
 (04) Sân bay quốc tế đi: Sân bay quốc tế đến (dự kiến):
 (05) Thời gian khởi hành: Thời gian đến (dự kiến):
 (06) Số hiệu xe hàng miễn thuế:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Lượng hàng hoá xuất kho bán trên chuyến bay quốc tế	Lượng hàng hoá đã bán phục vụ hành khách trên chuyến bay quốc tế		Lượng hàng hoá còn tồn trên chuyến bay quốc tế
				Chặng đi	Chặng về	
(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ngày đi:		Ngày về:	
(14) ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	(15) ĐẠI DIỆN TIẾP VIÊN <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	(17) ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	(18) ĐẠI DIỆN TIẾP VIÊN <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>
(16) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN Niêm phong HQ: Mark nhôm định danh: <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>		(19) XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN Niêm phong HQ: Mark nhôm định danh: <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>	

Mẫu số 09/BKTMKVTB

BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MẶT VẬN CHUYỂN GIỮA KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ VÀ TÀU BAY

.....,ngàytháng

....năm....

(01) Số hiệu chuyến bay:

Ngày giờ bay:

(02) Từ sân bay:

Đến sân bay:

(03) Số hiệu xe hàng:

(04) Họ tên người giao tiền:

Chức vụ:

(05) Họ tên người nhận tiền:

Chức vụ:

Tiền mặt đưa lên tàu bay (06)			(07) Xác nhận của hải quan <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>	Tiền mặt mang xuống tàu bay (08)			(09) Xác nhận của hải quan <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>	Tổng tiền thẻ thu được (10)
STT	Loại tiền	Số lượng		STT	Loại tiền	Số lượng		

(11) **ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP**
(ký, ghi rõ họ và tên)

(12) **TIẾP VIÊN**
(ký, ghi rõ họ và tên)

(13) **ĐẠI DIỆN CỦA
DOANH NGHIỆP**
(ký, ghi rõ họ và tên)

(14) **TIẾP VIÊN**
(ký, ghi rõ họ và tên)

*Ghi chú: Tại cột (06) và (08) ghi rõ loại tiền mang vào/ra khu cách ly như: VND, USD, EURO,...

3. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành

Bước 2: Doanh nghiệp nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua

Thông tin về khách hàng gồm: họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy thông hành; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành; quốc tịch; số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường sắt, đường biển.

- Riêng trường hợp bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh qua cảng hàng không dân dụng quốc tế, thực hiện cập nhật thông tin về khách hàng thông qua việc quét mã vạch trên thẻ lên tàu bay (boarding pass).

- Trường hợp bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng cho khách ở cửa khẩu xuất: lập 02 liên phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và gửi dữ liệu phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên phiếu giao hàng với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao hàng hóa cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin về hàng hóa và khách hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

Bước 4: Doanh nghiệp xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định và lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

Bước 5: Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

- Trường hợp bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng cho khách ở cửa khẩu xuất: công chức hải quan tiếp nhận phiếu giao hàng do nhân viên của cửa hàng miễn thuế xuất trình tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;

+ Kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên phiếu giao hàng;

+ Xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên phiếu giao hàng;

+ Giao 01 liên phiếu giao hàng cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên;

+ Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận.

3.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua

- Trường hợp bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng cho khách ở cửa khẩu xuất: Phiếu giao hàng: 02 bản chính

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử tiếp nhận thông tin do doanh nghiệp gửi lên.

- Trường hợp bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng cho khách ở cửa khẩu xuất: Xác nhận của Chi cục Hải quan trên Phiếu giao hàng.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 13, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

PHIẾU GIAO HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ TRONG NỘI ĐỊA

....., ngày..... tháng..... năm

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu/ giấy thông hành của hành khách/ giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế:

Số hiệu chuyên bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh (nếu có):

Số hoá đơn:

Ngày hoá đơn:

Cửa khẩu giao hàng:

Kho/cửa hàng xuất hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI MUA HÀNG <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN BÁN HÀNG MIỄN THUẾ/ KHO HÀNG MIỄN THUẾ <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN CỬA KHẨU <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>
--	--	--

**Lưu ý: nhân viên kho hàng miễn thuế chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, đề nghị được sử dụng hàng hoá tại kho hàng miễn thuế cửa khẩu khách xuất cảnh để giao cho khách hàng đã mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa (kho hàng miễn thuế tại sân bay và cửa hàng miễn thuế trong nội địa thuộc sự quản lý của 02 Chi cục Hải quan khác nhau).*

4. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành

Bước 2: Doanh nghiệp nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua

Thông tin về khách hàng gồm: họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy thông hành; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành; quốc tịch; số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường sắt, đường biển.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin về hàng hóa và khách hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

Bước 4: Doanh nghiệp xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định và lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

- Trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp lập 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập

Bước 2: Công chức hải quan ký tên, đóng dấu trên Phiếu thông báo và thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở rủi ro

4.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và gửi trực tiếp đến Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập trong trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua.

- Trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định:
Phiếu thông báo: 01 bản chính

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc khi doanh nghiệp nộp trực tiếp đến Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử tiếp nhận thông tin do doanh nghiệp gửi lên.

- Trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định: xác nhận trên Phiếu thông báo của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Riêng mặt hàng thuốc lá doanh nghiệp không được bán vượt định mức miễn thuế.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 14, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 01/PTBHVĐM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

PHIẾU THÔNG BÁO
HÀNG VƯỢT ĐỊNH MỨC CỦA KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu:

Số hiệu chuyến bay:

Số hoá đơn:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

XÁC NHẬN CỦA CỬA HÀNG
MIỄN THUẾ
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN
(ký, đóng dấu công chức)

5. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhân viên bán hàng yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu, thẻ lên tàu bay. Khi bán hàng thực hiện ghi đầy đủ thông tin về khách hàng và hàng hóa: tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding pass), tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập;

Bước 2: Chậm nhất 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định, doanh nghiệp kê khai trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa và gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

- Trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020, thông báo cho bộ phận hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và truyền dữ liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập

Bước 3: Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế.

5.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và gửi trực tiếp đến Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập trong trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách mua
- Trường hợp khách mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định: Phiếu thông báo: 02 bản chính

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết: không

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan cửa khẩu.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử tiếp nhận thông tin do doanh nghiệp gửi lên.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Riêng mặt hàng thuốc lá doanh nghiệp không được bán vượt định mức miễn thuế.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 15, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 01/PTBHVĐM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngàytháng.....năm....

PHIẾU THÔNG BÁO
HÀNG VƯỢT ĐỊNH MỨC CỦA KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu:

Số hiệu chuyến bay:

Số hoá đơn:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

XÁC NHẬN CỦA CỬA HÀNG
MIỄN THUẾ
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN
(ký, đóng dấu công chức)

6. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

6.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành

Bước 2: Doanh nghiệp nhập dữ liệu thông tin về hàng hóa và khách mua hàng lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 3: Lập Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 (trừ trường hợp giao hàng ở nước ngoài theo yêu cầu của khách) và thực hiện gửi dữ liệu Phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

Bước 4: Vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên Phiếu giao hàng với Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh, để bàn giao hàng hóa này cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh

Bước 5: Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh tiếp nhận Phiếu giao hàng do nhân viên của cửa hàng miễn thuế xuất trình tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh; kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng; xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên Phiếu giao hàng; giao 01 liên Phiếu giao hàng cho nhân viên giao hàng của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu, lưu 01 liên;

Bước 6: Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận

6.2. Cách thức thực hiện: Xuất trình trực tiếp cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh và gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách mua
- Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020: 02 bản chính

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình Phiếu giao hàng kèm hàng hóa

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan cửa khẩu.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của Chi cục Hải quan cửa khẩu trên Phiếu giao hàng

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 16, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

PHIẾU GIAO HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH MUA HÀNG MIỄN THUẾ TRONG NỘI ĐỊA

....., ngày..... tháng..... năm

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Tên người mua hàng:

Số hộ chiếu/ giấy thông hành của hành khách/ giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế:

Số hiệu chuyên bay, số hiệu phương tiện xuất cảnh (nếu có):

Số hoá đơn:

Ngày hoá đơn:

Cửa khẩu giao hàng:

Kho/cửa hàng xuất hàng:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI MUA HÀNG <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN BÁN HÀNG MIỄN THUẾ/ KHO HÀNG MIỄN THUẾ <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN CỬA KHẨU <i>(ký, đóng dấu số hiệu công chức)</i>
--	--	--

**Lưu ý: nhân viên kho hàng miễn thuế chỉ thực hiện xác nhận trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, đề nghị được sử dụng hàng hoá tại kho hàng miễn thuế cửa khẩu khách xuất cảnh để giao cho khách hàng đã mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa (kho hàng miễn thuế tại sân bay và cửa hàng miễn thuế trong nội địa thuộc sự quản lý của 02 Chi cục Hải quan khác nhau).*

7. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa

7.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu khách hàng xuất trình Sổ định mức miễn thuế, trừ trường hợp sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia;

Bước 2: Doanh nghiệp nhập toàn bộ về định lượng hàng hóa tại Sổ định mức miễn thuế do khách hàng xuất trình hoặc dữ liệu về sổ định mức từ cổng thông tin một cửa quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền cấp nhật (đối với trường hợp sử dụng sổ lần đầu) và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Bước 3: Xuất trình bản chính Sổ định mức mua hàng miễn thuế cho cơ quan hải quan, trừ trường hợp sổ định mức miễn thuế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cập nhật thông tin vào cổng thông tin một cửa quốc gia

Đối với khách hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo Sổ định mức mua hàng miễn thuế, cơ quan hải quan kiểm tra bản chính sổ định mức mua hàng miễn thuế hoặc kiểm tra trên cổng thông tin một cửa quốc gia về định lượng mua hàng miễn thuế, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử lượng hàng miễn thuế được phép mua của khách hàng để hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trừ lùi định mức mua hàng miễn thuế.

Bước 4: Nhập các thông tin quy định trên hóa đơn bán hàng vào hệ thống phần mềm của doanh nghiệp và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, nhận phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 5: Cắt ô tem tương ứng mặt hàng đã bán trên Sổ định mức hàng miễn thuế dán vào hóa đơn bán hàng. Trường hợp hóa đơn dạng cuộn doanh nghiệp thực hiện lưu ô tem tương ứng theo từng hóa đơn bán hàng; lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (hoặc theo cuộn nếu hóa đơn ở dạng cuộn)

7.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc xuất trình trực tiếp cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế đối với khách hàng lần đầu tiên mua hàng miễn thuế theo Sổ định mức mua hàng miễn thuế.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách mua
- Thông tin về số định mức miễn thuế

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình trực tiếp cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế hoặc ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên Sổ định mức mua hàng miễn thuế.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 17, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

8. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế

8.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp yêu cầu người đặt hàng xuất trình hộ chiếu và nộp 01 bản chính đơn đặt hàng và 01 bản chính danh sách thuyền viên; kiểm tra đơn hàng, danh sách thuyền viên. Nhập các thông tin về hóa đơn trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp. Thực hiện gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, nhận phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế trực tuyến: doanh nghiệp nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Khi giao hàng cho khách mua hàng, doanh nghiệp kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh.

- Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế phục vụ cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam: doanh nghiệp thực hiện vận chuyển hàng hoá vào kho của tàu.

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có), trên hóa đơn đầy đủ các thông tin họ tên, số hộ chiếu, quốc tịch của thuyền trưởng/ người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh; lưu hoá đơn bán hàng có chữ ký của thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên.

Bước 4: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế giám sát hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh.

Bước 5: Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu thực hiện niêm phong kho của tàu chứa hàng miễn thuế, xác nhận hàng qua khu vực giám sát (ký tên, đóng dấu công chức hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

8.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Thông tin về khách hàng và hàng hóa khách mua

* *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 18, Điều 19 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

9. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp thực hiện việc khai báo hải quan và xuất trình hồ sơ hải quan (nếu có), nộp bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh và 01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy thông hành (trang đầu và trang có đóng dấu xuất cảnh của cơ quan xuất nhập cảnh), xuất trình thực tế hàng hoá (nếu có) cho cơ quan hải quan.

Bước 2: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện việc thông quan hàng hoá cho doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu.

9.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 39/2018/TT-BTC;

- Hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị tương đương trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán: 01 bản chụp;

- Bảng kê lâm sản đối với gỗ nguyên liệu xuất khẩu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bản chính;

- Giấy phép xuất khẩu hoặc văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật về quản lý ngoại thương đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý theo giấy phép:

+ Nếu xuất khẩu một lần: 01 bản chính;

+ Nếu xuất khẩu nhiều lần: 01 bản chính khi xuất khẩu lần đầu.

- Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành): 01 bản chính.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nộp bản chụp hoặc không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì doanh nghiệp được nộp bản chụp.

Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành được sử dụng nhiều lần trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành thì doanh nghiệp chỉ nộp 01 lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên;

- Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư: nộp 01 bản chụp khi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên;

- Hợp đồng ủy thác: 01 bản chụp đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép xuất khẩu, giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành hoặc phải có chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người nhận ủy thác sử dụng giấy phép hoặc chứng từ xác nhận của người giao ủy thác;

- Bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 11/BKHH quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

- 01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy thông hành (trang đầu và trang có đóng dấu xuất cảnh của cơ quan xuất nhập cảnh).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 23 Luật Hải quan)

- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải:

+ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hoá chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hoá cho cơ quan hải quan;

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận thông quan hàng hóa.

9.8. Phí, lệ phí: 20.000 đồng

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai hải quan theo Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 và Phụ lục IV Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

- Bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh theo Mẫu số 11/BKHH quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 23 Luật Hải quan

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Điều 20 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

- Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 38/2015/TT-BTC.

- Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm.....

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ BÁN CHO KHÁCH XUẤT CẢNH

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/ kho chứa hàng:

(04) Quốc gia/ vùng lãnh thổ giao hàng:

STT (05)	Số hoá đơn (06)	Thông tin người mua hàng				Thông tin hàng hoá			
		Họ tên (07)	Quốc tịch (08)	Số hộ chiếu/ số giấy thông hành/ số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (09)	Ngày cấp (10)	Tên hàng (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Trị giá (14)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP***(ký tên và đóng dấu)*

10. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất trong trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa

10.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

Bước 2: Trước khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện hủy tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý, lập biên bản về số tem “VIETNAM DUTY NOT PAID” đã hủy.

10.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Danh sách hàng hóa đưa vào/ đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

10.8. Phí, lệ phí: Không.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Danh sách hàng hóa đưa vào/ đưa ra cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

DANH SÁCH HÀNG HOÁ ĐƯA VÀO/ ĐƯA RA CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ

(đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu)

....., ngàytháng.....năm.....

(01) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(02) Cửa hàng/ kho chứa hàng:

(03) Danh sách hàng hoá:

STT (04)	Tên hàng (05)	Đơn vị tính (06)	Số lượng (07)	Trị giá (08)	Ghi chú (09)

(10) **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(ký, ghi rõ họ và tên)

(11) **XÁC NHẬN HẢI QUAN
QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO
HÀNG MIỄN THUẾ**
(ký, đóng dấu số hiệu công chức)

11. Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế

11.1. Trình tự thực hiện:

*** Thủ tục đối với hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng**

Bước 1: Doanh nghiệp có văn bản thông báo cụ thể về kế hoạch tiêu hủy cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

Bước 2: Doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy và tổ chức tiêu hủy theo quy định.

Bước 3: Trên cơ sở nội dung biên bản và thực tế kiểm tra hàng hóa, công chức hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế kí tên, đóng dấu công chức xác nhận đối với hàng hóa đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng.

*** Thủ tục đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm)**

Bước 1: Khi xuất hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu lên cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp lập bảng kê theo Mẫu số 12/BKHMT ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và nhận phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

Bước 2: Định kỳ hàng tháng (trong 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng), tổng hợp số liệu hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu đã sử dụng, còn tồn của tháng trước gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Bước 3:

- Trường hợp số liệu báo cáo của doanh nghiệp không có nghi ngờ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số liệu báo cáo.

- Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ về số liệu doanh nghiệp báo cáo, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các hồ sơ liên quan. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan. Cục trưởng Cục Hải quan giao Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Đối với trường hợp phức tạp, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm

tra theo Mẫu số 13/BBKT ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020. Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số liệu của doanh nghiệp theo kết luận kiểm tra.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp đến Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

- Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản thông báo về kế hoạch tiêu hủy

- Biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy

- Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu theo Mẫu số 12/BKHMT quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

11.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình đến Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế hoặc ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng: xác nhận của công chức hải quan trên biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy.

- Đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để dựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm): phản hồi từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số liệu báo cáo.

11.8. Phí, lệ phí: Không.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bảng kê hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu theo Mẫu số 12/BKHMT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 22 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm....

BẢNG KÊ HÀNG MẪU, HÀNG THỬ, TÚI, BAO BÌ NHẬP KHẨU

(01) Tên doanh nghiệp:

(02) Mã số thuế:

(03) Cửa hàng/ kho chứa hàng:

STT (04)	Tên hàng (05)	Đơn vị tính (06)	Số lượng (07)	Trị giá (08)	Ghi chú (09)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP
(ký tên và đóng dấu)

12. Thủ tục đối với tiền mặt của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu vực hạn chế

12.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi dữ liệu theo Mẫu số 05/BKTMVR ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi đưa tiền vào, tiền ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế

Bước 2: Doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan qua phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu.

Bước 3: Khi nhận được thông tin khai báo của doanh nghiệp và thông tin phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử cho doanh nghiệp, công chức hải quan kiểm tra các nội dung khai báo trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

Bước 4: Giám sát tiền mặt đưa vào, ra khu cách ly, khu hạn chế và kiểm tra thực tế tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

Bước 5: Công chức hải quan thực hiện xác nhận tiền qua khu vực giám sát trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế.

*** Trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố**

Bước 1: Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 05/BKTMVR Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 cho công chức hải quan kiểm tra, xác nhận. Xuất trình tiền mặt trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu.

Bước 2: Cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát việc đưa tiền mặt vào, ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế. Kiểm tra thực tế tiền mặt trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ngay sau khi hoàn thành việc kiểm tra tiền mặt (đối với trường hợp phải kiểm tra thực tế) hoặc tiền mặt qua khu vực giám sát, cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế do doanh nghiệp xuất trình, lưu 01 bản, trả lại doanh nghiệp 01 bản.

12.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc gửi trực tiếp đến Chi cục Hải quan cửa khẩu trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Thành phần hồ sơ:**

- Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 05/BKTMVR quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

12.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp gửi thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc ngay sau khi doanh nghiệp xuất trình trực tiếp cho cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan cửa khẩu.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đối với tiền mặt đưa vào, đưa ra khu cách ly, khu hạn chế.

- Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố: xác nhận trên 02 Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế do doanh nghiệp xuất trình.

12.8. Phí, lệ phí: Không.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bảng kê lượng tiền mang vào/ra khu cách ly, khu hạn chế theo Mẫu số 05/BKTMVR quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 23 Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh miễn thuế.

**BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MANG VÀO/RA
KHU CÁCH LY, KHU HẠN CHẾ**

....., ngàythángnăm....

- (1) Tên doanh nghiệp:
 (2) Địa chỉ:
 (3) Mã số thuế:
 (4) Cửa hàng:

Tiền mặt đưa vào khu cách ly, khu hạn chế				Tiền mặt đưa ra khỏi khu cách ly, khu hạn chế				Tổng tiền thẻ thu được	
Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức HQ giám sát khi đưa vào khu cách ly	Tổng tiền Việt Nam	Ngoại tệ		Xác nhận công chức HQ giám sát khi đưa ra khỏi khu cách ly	(13)	(14)
	Loại tiền	Số lượng			Loại tiền	Số lượng			
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		

(15) **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN MẶT VÀO KHU CÁCH LY**
(ký, ghi rõ họ tên)

(16) **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP KHI ĐƯA TIỀN MẶT RA KHỎI KHU CÁCH LY**
(ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi chú: Tại cột (6) và cột (10) ghi rõ loại ngoại tệ mang vào/ra khu cách ly như: USD, EURO,...

13. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau

13.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi hàng hóa xuất ra khỏi cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để chuyển đến cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc quản lý của Chi cục Hải quan khác, doanh nghiệp lập phiếu xuất kho, phiếu xuất kho ghi rõ: địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến

Bước 2: Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế ghi trên phiếu xuất kho.

Bước 3: Cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đi thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan; căn cứ thông tin trên phiếu xuất kho, thực hiện lập 02 biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu số 06/BBBG và giao cho doanh nghiệp để chuyển đến Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến.

Bước 4: Cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đến căn cứ biên bản bàn giao do Chi cục Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế; thực hiện xác nhận trên 02 biên bản bàn giao, 01 bản giao cho doanh nghiệp, 01 bản gửi cho Chi cục Hải quan nơi hàng chuyển đi.

13.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Phiếu xuất kho.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

13.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi doanh nghiệp xuất trình đến Chi cục Hải quan quản lý

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của cơ quan hải quan trên biên bản bàn giao.

13.8. Phí, lệ phí: Không.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 25 Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

II. Thủ tục hành chính được thay thế

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;

Bước 2: Chi cục Hải quan xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế sau khi nhận được phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

- Trường hợp có nghi ngờ về danh sách hàng hóa, trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phản hồi, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử với thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế

- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của Cục trưởng Cục Hải quan. Đối với trường hợp phức tạp, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc. Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra. Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử theo kết quả kiểm tra thực tế.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020: 01 bản chính;

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: Ngay khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phản hồi

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế; cơ quan phối hợp là Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của Chi cục Hải quan quản lý.

1.8. Phí, lệ phí: không phí**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 9 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

**DANH SÁCH HÀNG HOÁ ĐƯA VÀO/ ĐƯA RA CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO
CHỨA HÀNG MIỄN THUẾ**

(đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục nhập
khẩu)

....., ngàytháng.....năm.....

(01) Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

(02) Cửa hàng/ kho chứa hàng:

(03) Danh sách hàng hoá:

STT (04)	Tên hàng (05)	Đơn vị tính (06)	Số lượng (07)	Trị giá (08)	Ghi chú (09)

(10) **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(ký, ghi rõ họ và tên)

(11) **XÁC NHẬN HẢI QUAN
QUẢN LÝ CỬA HÀNG MIỄN THUẾ, KHO
HÀNG MIỄN THUẾ**
(ký, đóng dấu số hiệu công chức)

2. Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế: nộp báo cáo quyết toán theo nguyên tắc nhập - xuất - tồn kho theo Mẫu số 07/BCQT cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Bước 2: Doanh nghiệp cung cấp hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra báo cáo quyết toán khi được cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định.

Bước 3:

- Đối với báo cáo quyết toán phải thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán.

- Đối với báo cáo quyết toán không thuộc trường hợp phải kiểm tra, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phản hồi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đến doanh nghiệp về báo cáo quyết toán được chấp nhận, không thực hiện kiểm tra. Đồng thời xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

2.2. Cách thức thực hiện: Gửi lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Báo cáo quyết toán theo Mẫu số 07/BCQT quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

- Hồ sơ hải quan, chứng từ kế toán, sổ kế toán, chứng từ bán hàng, các giấy tờ khác (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận của cơ quan hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đối với việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Báo cáo quyết toán theo Mẫu số 07/BCQT quy định tại Phụ lục II Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 24 Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

Tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế
Mã số thuế:
Địa chỉ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

Năm:.....

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng											Ghi chú
				Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ				Tồn cuối kỳ			
				Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	Xuất bán	Chuyển tiêu thụ nội địa	Đưa trở lại nội địa	Tái xuất	Tiêu hủy	Tạm nhập khẩu từ nước ngoài, kho ngoại quan, khu phi thuế quan	Từ nội địa	
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Mặt hàng A	AP12345	chai/ thời/ gói...												

NGƯỜI LẬP
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Mã hàng hóa cột (03) là mã theo dõi hàng hóa của doanh nghiệp;

- Báo cáo bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu (nếu có);

- Đối với hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu đã sử dụng hết, doanh nghiệp kê khai vào ô xuất bán (09) và ghi rõ vào ô ghi chú (16) là hàng mẫu, hàng thử hoặc túi, bao bì nhập khẩu.